

Số: 174 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 19 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 1 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 224-KL/TW ngày 8 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quản trị, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02/4/2026 của Chính

phủ; tạo chuyển biến rõ nét trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, đồng bộ, hiện đại, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển xanh.

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chính phủ thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, kế hoạch, dự án cụ thể của tỉnh; xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị; phát huy vai trò của các cấp chính quyền, nhất là người đứng đầu, trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

2. Yêu cầu

Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình hành động của Chính phủ; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh, chương trình phát triển đô thị và yêu cầu quản lý, phát triển đô thị của tỉnh.

Việc triển khai thực hiện phải đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; gắn giữa công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cải tạo chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường phối hợp liên ngành; thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

3. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể

- Về quy hoạch đô thị: Đến năm 2030, phủ kín 100% quy hoạch chung đô thị.
- Về phát triển đô thị: Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 55%, với số lượng đô thị toàn tỉnh khoảng 18 đô thị; diện tích nhà ở đô thị đạt khoảng 32m²/sàn/người; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16-26%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân tại khu vực đô thị đạt khoảng 8-10m²/người.
- Về xây dựng và quản lý đô thị: Đến năm 2030, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đáp ứng các tiêu chí đô thị. Hạ tầng giao thông đô thị được đầu tư đồng bộ, thông suốt. Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%.
- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 85% trở lên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững

Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW đến các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị, đất đai, bảo vệ môi trường; tăng cường công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch đầu tư xây dựng và các cơ chế, chính sách có liên quan.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Nhân dân trong tham gia phản biện, giám sát việc thực hiện quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị; tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, quản lý phát triển đô thị bền vững

Rà soát điều chỉnh phương hướng phát triển đô thị và nông thôn đảm bảo đồng bộ với quy hoạch tỉnh; tối ưu việc sắp xếp không gian phát triển phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, kết nối đô thị với nông thôn, giữa các đô thị với nhau, kết nối đô thị với các hạ tầng giao thông chiến lược (cảng biển, sân bay, đường cao tốc, đường sắt, đường thủy). Các đô thị đóng vai trò trung tâm phát triển, thúc đẩy liên kết vùng, địa phương và hội nhập quốc tế, đồng thời duy trì bản sắc văn hóa truyền thống.

Đến năm 2030, hoàn thành phủ kín quy hoạch chung các đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, phù hợp định hướng phát triển đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng hai con số; nhân rộng mô hình phát triển đô thị xanh, sinh thái. Tiếp tục hoàn thành lập và phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các đô thị. Tăng cường quản lý quy hoạch được duyệt, ứng dụng phương pháp công nghệ về chuyển đổi số trong quản lý, công khai thông tin quy hoạch.

Đổi mới tư duy về công tác quy hoạch đô thị, đảm bảo sự nhất quán trong tổ chức thực hiện: Kết hợp chặt chẽ công tác quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực tăng trưởng mới; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; tập trung xử lý dứt điểm tình trạng “quy hoạch treo”; thực hiện nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn; nghiêm cấm tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tác động, chi phối công tác quy hoạch vì lợi ích cục bộ; tăng cường quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng tại các thành phố và các khu vực đang trong quá trình đô thị hoá; đồng bộ giữa quy hoạch, đầu tư, vận hành; kiểm soát chặt chẽ không gian xây dựng; tăng cường vai trò giám sát cộng đồng.

Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị, cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 06-NQ/TW đối với tỉnh và từng đô thị trong tỉnh.

3. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị, danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị; bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị bền vững, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội toàn đô thị theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch đô thị và quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị, các yêu cầu cụ thể tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, trong đó tỷ lệ đất giao thông đạt 16 - 26% vào năm 2030; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10 m² vào năm 2030. Ưu tiên thực hiện các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: cây xanh đô thị, giao thông đô thị, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, ưu tiên ngầm hóa hệ thống đường dây điện và viễn thông; ưu tiên đầu tư hạ tầng chiến lược hiện đại, giao thông công cộng khối lượng lớn và các trung tâm tài chính, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, logistics và công nghệ cao; khai thác đa mục tiêu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng đô thị chậm tiến độ; tập trung đầu tư các tuyến đường vành đai, trục kết nối, các công trình giao thông có sức chứa lớn, đầu mối giao thông, công trình đầu mối cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn theo

quy hoạch; nâng cao khả năng kết nối hệ thống đô thị của tỉnh với vùng Thủ đô và các địa phương lân cận.

Thực hiện cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị hiện hữu; ưu tiên các khu vực có hạ tầng còn thiếu, yếu, khu vực có nguy cơ ngập úng, ô nhiễm môi trường, khu vực dân cư đông đúc, khu vực có giá trị cảnh quan, kiến trúc cần bảo tồn, phát huy.

Đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội đô thị, nhất là y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, công viên, không gian công cộng, nhà văn hóa, cơ sở chăm sóc sức khỏe, cơ sở giáo dục, thiết chế văn hóa, thể thao theo quy hoạch; bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển dân cư và mở rộng không gian đô thị.

4. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; phát triển mô hình đô thị mới, đô thị thông minh

Tổ chức rà soát, phân loại các khu vực đô thị cần cải tạo, chỉnh trang, tái thiết; tập trung xử lý các khu dân cư có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiếu đồng bộ; cải tạo, nâng cấp không gian công cộng, tuyến phố, vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, mặt nước, các khu vực đầu mối giao thông, khu vực trung tâm.

Nghiên cứu, lựa chọn các khu vực phù hợp để tổ chức thí điểm các mô hình phát triển đô thị mới, đô thị thông minh, khu đô thị xanh, khu phát triển theo định hướng giao thông công cộng, khu vực đổi mới sáng tạo, các mô hình phát triển đô thị có tính lan tỏa, tạo động lực tăng trưởng cho địa phương, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 80/NQ-CP.

Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu số, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, cảm biến, hệ thống điều hành thông minh trong quản lý giao thông, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, quản lý trật tự xây dựng, phản ánh hiện trường, an ninh trật tự, cung cấp dịch vụ công đô thị; từng bước hình thành nền tảng quản trị đô thị hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả.

5. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng

Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý nước thải, rác thải liên vùng theo quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị.

6. Phát triển nhà ở, bảo đảm an sinh xã hội trong khu vực đô thị

Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên cả nước đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m².

Rà soát, cập nhật, tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh; chú trọng phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở tái định cư; bảo đảm phù hợp nhu cầu thực tế, khả năng cân đối nguồn lực, quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Lồng ghép chỉ tiêu phát triển nhà ở vào chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; ưu tiên quỹ đất, nguồn lực hợp pháp để đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu đi kèm.

Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, kiểm soát việc phát triển nhà ở, khu đô thị, dự án bất động sản theo quy hoạch và pháp luật; kịp thời chấn chỉnh tình trạng đầu tư tự phát, phát triển đô thị không đồng bộ, thiếu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

7. Phát triển đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2025, các nhiệm vụ giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển đô thị thông minh bền vững; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh. Xác định rõ lộ trình thí điểm và lựa chọn các đô thị thí điểm đô thị thông minh; cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thí điểm phát triển đô thị thông minh bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế. Xây dựng định hướng phát triển đô thị thông minh phù hợp bối cảnh mới, thúc đẩy quản lý, phát triển đô thị và phát triển kinh tế đô thị theo chiều sâu, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu theo định hướng của Chính phủ; tăng cường năng lực dự báo, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là ngập úng đô thị, nắng nóng cực đoan, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước và các rủi ro môi trường khác.

Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các khu đô thị xanh, công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường trồng cây xanh, phát triển mặt nước, không gian sinh thái, hành lang xanh, hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải tách riêng theo điều kiện cụ thể của từng khu vực đô thị.

Triển khai các giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; từng bước giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp, áp dụng công nghệ phù hợp, hiện đại trong xử lý chất thải. Tăng cường quan trắc, kiểm soát và cải thiện chất lượng không khí, chất lượng nước tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, các tuyến giao thông có mật độ cao.

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên nước và các nguồn tài nguyên khác trong khu vực đô thị; tăng cường kiểm soát hành lang bảo vệ nguồn nước, hệ thống tiêu thoát nước, công trình thủy lợi gắn với yêu cầu phát triển đô thị bền vững.

8. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa.

Thực hiện các chỉ tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo; từng bước tiếp cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ đô thị, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị.

9. Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục; nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị

Rà soát, sắp xếp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại khu vực đô thị bảo đảm phù hợp với định hướng quy hoạch, mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao; ưu tiên đầu tư các công trình văn hóa, thể thao cơ sở theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi nhu cầu của người dân đô thị.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại khu vực đô thị; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp; bảo đảm sự gắn kết giữa phát triển đô thị và an sinh xã hội.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề, thiết chế văn hóa - xã hội, không gian sinh hoạt cộng đồng; bảo đảm người dân đô thị được tiếp cận ngày càng tốt hơn các dịch vụ cơ bản, thiết yếu.

10. Phát triển giao thông đô thị, tăng cường giao thông công cộng, hạn chế phát thải

Tổ chức rà soát quy hoạch giao thông, bảo đảm thông suốt, kết nối giữa các khu vực đô thị, giữa đô thị với nông thôn và với các tuyến giao thông đối ngoại; ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông trục chính, giao thông kết nối vùng, liên xã, phường, các bãi đỗ xe, đầu mối trung chuyển và công trình phụ trợ.

Khuyến khích phát triển phương tiện giao thông xanh, thân thiện với môi trường; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải công cộng; nghiên cứu, áp

dụng các giải pháp tổ chức giao thông hợp lý, giảm ùn tắc, giảm phát thải, bảo đảm an toàn giao thông, trật tự đô thị.

11. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và phát triển đô thị

Tổ chức xây dựng, cập nhật, khai thác, kết nối cơ sở dữ liệu về quy hoạch, xây dựng, đất đai, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, dân cư, môi trường và tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) và thiết lập kho Dữ liệu mở (Open Data); tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khai thác, phát triển các giải pháp đô thị thông minh phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo đảm liên thông, đồng bộ, bảo mật, phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) trong việc giám sát, dự báo các xu hướng phát triển và hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, tổng hợp số liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

12. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển đô thị

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và phát triển đô thị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực trong quản lý đô thị.

Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư phát triển đô thị; ưu tiên nguồn lực cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng, công trình đầu mối, công trình có tính liên kết, lan tỏa, động lực phát triển.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, quỹ đất phát triển đô thị; gắn đầu tư phát triển đô thị với khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, dịch vụ, thương mại, logistics và các ngành có giá trị gia tăng cao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

Chủ trì rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung hoặc tổ chức lập quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở, các đề án phát triển đô thị, cải tạo chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị thông minh, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các nội dung khác thuộc lĩnh vực xây dựng.

Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố theo quy định; tham mưu sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo khả năng ngân sách cho các chương trình, dự án; phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tham mưu cơ chế huy động nguồn lực hợp pháp cho phát triển đô thị.

Phối hợp rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách tài chính, ngân sách, phí, lệ phí, cơ chế hỗ trợ đầu tư, cơ chế khuyến khích xã hội hóa phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị bền vững của tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tham mưu các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, môi trường trong phát triển đô thị;

Chủ trì tham mưu, triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước, quản lý chất thải rắn, nước thải, chất lượng không khí, thích ứng với biến đổi khí hậu trong khu vực đô thị; phối hợp với các cơ quan liên quan trong xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường phục vụ quản lý đô thị.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì tham mưu về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quy hoạch, quản lý đô thị; phối hợp rà soát, tham mưu các nội dung liên quan đến mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính trong quản lý đô thị.

Phối hợp tham mưu xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị tại các sở, ngành và UBND các xã, phường.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp tham mưu các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển đô thị; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quản lý hạ tầng, quản trị đô thị, cung cấp dịch vụ công.

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan xây dựng, khai thác, kết nối cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung, giải pháp số phục vụ phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì rà soát, sắp xếp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong đô thị; tham mưu đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa, thể thao theo quy hoạch; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, không gian kiến trúc, cảnh quan trong phát triển đô thị.

7. Sở Y tế

Chủ trì rà soát, tham mưu đầu tư, nâng cấp hệ thống y tế dự phòng, cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc tại khu vực đô thị; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, ứng phó các tình huống khẩn cấp trong điều kiện đô thị hóa.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì rà soát, tham mưu đầu tư, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục tại khu vực đô thị; bảo đảm đồng bộ với quy mô dân số, tốc độ đô thị hóa, phát triển không gian đô thị và nhu cầu học tập của người dân.

9. Công an tỉnh

Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị; ứng dụng công nghệ số, cơ sở dữ liệu dân cư và các giải pháp kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình phát triển đô thị.

10. Các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung nêu trên; phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng trong quá trình thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Xây dựng để tổng hợp.

11. UBND các xã, phường

Tổ chức quán triệt, phổ biến và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, giải pháp, lộ trình thực hiện hằng năm và giai đoạn.

Tăng cường quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vệ sinh môi trường, cảnh quan, cây xanh, mặt nước trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

Rà soát, đề xuất nhu cầu đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cải tạo chỉnh trang đô thị, nhà ở xã hội, công trình công cộng, thiết chế văn

hóa, thể thao, công viên, cây xanh, công trình bảo vệ môi trường; gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, tổng hợp.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện, giám sát việc triển khai Nghị quyết 80; góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, tạo đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển đô thị bền vững.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nhận được Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các phường, xã nghiêm túc triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: XD, TC, NN&MT, NV, KH&CN, VH, TT&DL, YT, GD&ĐT;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{C.T.H.} 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam